

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày    tháng    năm 2017*

## **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Luật)**

- **Tên chương trình:** Thương mại điện tử (Electronic Commerce – E-Commerce)
- **Trình độ đào tạo:** Đại học
- **Ngành đào tạo:** Thương mại điện tử (E-commerce)
- **Loại hình đào tạo:** Chính quy tập trung
- **Mã ngành đào tạo:** 52.34.01.22
- **Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân Thương mại điện tử (Bachelor of E-commerce)
- **Chủ nhiệm ngành:**

### **1. Sự cần thiết và lý do mở ngành đào tạo**

Ngành thương mại điện tử (TMĐT) tại Việt Nam cho đến thời điểm này đã khẳng định vai trò đóng góp rất tích cực vào quá trình phát triển đất nước. Xu thế kinh doanh và quản lý trên nền tảng Internet và thiết bị công nghệ di động không ngừng phát triển. Tuy nhiên, nguồn nhân lực chính qui để xây dựng hạ tầng, điều hành quản lý và phát triển TMĐT tại Việt Nam còn rất nhiều hạn chế. Chính vì vậy, việc phát triển và đào tạo nguồn nhân lực chính qui về TMĐT luôn được Chính phủ, các Bộ ngành, các trường đại học trong cả nước và xã hội quan tâm. Điều này đã được thể hiện qua nhiều nghị định, kế hoạch, chiến lược phát triển TMĐT cũng như đào tạo nguồn nhân lực chính qui được ban hành trong những năm qua. Bên cạnh đó, các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế thường xuyên được tổ chức nhằm mục đích trao đổi và thống nhất về kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển TMĐT của đất nước.

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa đã và đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay thì nhu cầu ứng dụng và triển khai TMĐT vào quá trình kinh doanh, quản lý ngày càng tăng cao hơn nữa và chắc chắn điều đó sẽ mở ra nhiều cơ hội thành lập doanh nghiệp và các doanh nghiệp khác sẽ triển khai mạnh mẽ TMĐT vào trong quá trình kinh doanh, quản lý và đó cũng là cơ hội việc làm tốt cho sinh viên trong tương lai không xa.

Trong hai năm vừa qua, kể từ khi tuyển sinh chuyên ngành Thương mại điện tử vào năm 2014, bên cạnh việc đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật đã hoàn thiện xây dựng chương trình giáo dục ngành Thương mại điện tử theo tiếp cận CDIO. Trường đã có thêm bề dày kinh nghiệm trong đào tạo Thương mại điện tử, có thêm được một hệ thống các đối tác là doanh nghiệp, hiệp hội hỗ trợ trong đào tạo và tuyển dụng việc làm. Trường cũng đã tập trung đào tạo cán bộ giảng viên giảng dạy theo CDIO, tăng cường tuyển dụng giảng viên có học vị cao và có chuyên ngành liên quan. Tuy nhiên, cũng qua quá trình đào tạo chuyên ngành TMĐT này, Trường nhận thấy rằng, đào tạo theo hình thức chuyên ngành không thể đủ thời gian và điều kiện để có thể tập trung đào tạo một sinh viên chất lượng cao ngành Thương mại điện tử để đáp ứng tốt yêu cầu xã hội, đặc biệt giai đoạn hiện nay gia nhập cộng đồng kinh tế ASIAN và TPP đang có sự cạnh tranh khốc liệt về việc tuyển dụng việc làm tại các công ty lớn, công ty đa quốc gia cho sinh viên ngành TMĐT.

Để đáp ứng nhu cầu cấp bách về đào tạo nguồn nhân lực chính quy TMĐT, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM đã xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo ngành TMĐT bậc đại học hệ chính quy (hồ sơ mở ngành đính kèm). Đồng thời, cùng với thế mạnh trong lĩnh vực kinh tế, luật, kinh doanh và hệ thống thông tin quản lý - một thế mạnh liên ngành chính là nền tảng và điều kiện tốt cho việc đào tạo ngành TMĐT và điều đó cũng có thể khẳng định ngành đào tạo này sẽ trở thành điểm nhấn trong hệ thống đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - Luật nói riêng và trong ĐHQG-HCM nói chung.

Với những lý do trình bày trên cùng với những nội dung đã được thuyết minh chi tiết trong Hồ sơ mở ngành, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM kính đề nghị

Ban Giám đốc ĐHQG-HCM, Ban Đại học & Sau đại học và Ban Kế hoạch – Tài chính, ĐHQG-HCM xét duyệt và đồng ý cho Trường Đại học Kinh tế - Luật mở ngành đào tạo TMĐT bậc đại học hệ chính quy theo hệ tín chỉ.

## **2. Mục tiêu đào tạo**

### **2.1 Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân kinh tế có kiến thức toàn diện về lĩnh vực thương mại điện tử; có chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; cung cấp nguồn nhân lực thương mại điện tử chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội trong thời đại mới.

### **2.2 Mục tiêu cụ thể**

*Mục tiêu I:* Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực thương mại điện tử: nắm vững nghiệp vụ kinh doanh và thành thạo công nghệ thông tin ứng dụng trong kinh doanh tại doanh nghiệp.

*Mục tiêu II:* Đào tạo đội ngũ quản lý và có kiến thức vững vàng trong hoạch định, xây dựng và triển khai hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp và khả năng quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

*Mục tiêu III:* Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu trong việc tổ chức, quản lý và thực hiện toàn bộ quá trình kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử trong doanh nghiệp, có khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thương mại điện tử.

*Mục tiêu IV:* Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

### **2.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)**

<b>Chuẩn đầu ra chương trình</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1 CÁC KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ</b>	
1.1 CÓ KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH TMĐT	
1.1.1 Toán học	
1.1.2 Tin học	
1.1.3 Kinh tế	
1.1.4 Pháp luật	

1.1.5 Kiến thức về chính trị, xã hội, tâm lý	
<b>1.2 CÓ KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH TMĐT</b>	
1.2.1 Kỹ thuật lập trình	
1.2.2 Phân tích thiết kế hệ thống	
1.2.3 Hạ tầng và an toàn Thương mại điện tử	
1.2.4 Quản trị	
1.2.5 Hệ thống thông tin	
1.2.6 quản lý chuỗi cung ứng	
1.2.7 Thương mại điện tử	
1.2.8 Marketing	
1.2.9 Kế toán – Tài chính	
<b>1.3 CÓ KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>	
1.3.1 Thanh toán điện tử	
1.3.2 Pháp luật TMĐT	
1.3.3 Marketing điện tử	
1.3.4 Quản trị TMĐT	
1.3.5 Quản lý dữ liệu	
1.3.6 Công cụ thương mại điện tử	
1.3.7 M- Commerce	
1.3.8 Chiến lược Thương mại điện tử	
<b>2 KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>2.1 CÓ KHẢ NĂNG LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TMĐT</b>	
2.1.1 Xác định và trình bày chính xác các vấn đề TMĐT	
2.1.2 Mô hình hoá	
2.1.3 Ước lượng và phân tích	
2.1.4 Hình thành chiến lược giải quyết vấn đề (Giải pháp và khuyến nghị)	
<b>2.2 CÓ KHẢ NĂNG THỬ NGHIỆM, NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC</b>	

2.2.1	Định hình giả thuyết (nêu giả thuyết)	
2.2.2	Khảo sát qua tài liệu và thông tin điện tử (hoặc Khảo sát dữ liệu)	
2.2.3	Có khả năng sử dụng công cụ tin học để giải quyết vấn đề TMDT	
2.2.4	Tiến hành thử nghiệm	
2.2.5	Phân tích dữ liệu	
2.2.6	Kiểm định giả thuyết, bảo vệ luận điểm	
2.3	<b>CÓ KHẢ NĂNG TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG</b>	
2.3.1	Hiểu những kiến thức cơ bản và phương pháp của tư duy hệ thống	
2.3.2	Áp dụng tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề	
2.3.3	Đánh giá và cân bằng trong giải quyết	
2.4	<b>CÓ NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG, THÁI ĐỘ VÀ TINH THẦN HỌC TẬP</b>	
2.4.1	Sáng kiến và sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro	
2.4.2	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	
2.4.3	Tư duy sáng tạo	
2.4.4	Tư duy suy xét	
2.4.5	Sự tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức	
2.4.6	Học tập và rèn luyện suốt đời	
2.4.7	Quản lý thời gian và nguồn lực	
2.5	<b>ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC</b>	
2.5.1	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội	
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp	
2.5.3	Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống	
2.5.4	Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh	
2.5.5	Chấp nhận sự khác biệt và công bằng	
2.5.6	Tin cậy và gắn bó với tổ chức	
<b>3</b>	<b>LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>	
3.1	<b>LÀM VIỆC NHÓM</b>	

3.1.1	Hình thành nhóm hiệu quả	
3.1.2	Hoạt động nhóm	
3.1.3	Phát triển nhóm	
3.1.4	Lãnh đạo nhóm	
3.1.5	Làm việc với các loại nhóm khác nhau	
3.2	<b>GIAO TIẾP</b>	
3.2.1	Lựa chọn chiến lược giao tiếp	
3.2.2	Lựa chọn cách thức giao tiếp phù hợp	
3.2.3	Giao tiếp bằng văn bản	
3.2.4	Giao tiếp thông qua các phương tiện điện tử và đa truyền thông	
3.2.5	Giao tiếp bằng đồ họa	
3.2.6	Thuyết trình	
3.2.7	Hỏi, nghe và đối thoại	
3.2.8	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột	
3.3	<b>GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ</b>	
3.3.1	Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, đọc 500; Nói viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương)	
<b>4</b>	<b>NĂNG LỰC THỰC HÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH TRONG DOANH NGHIỆP TMĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC</b>	
4.1	<b>NHẬN THỨC VỀ BỐI CẢNH TMĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC</b>	
4.1.1	Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm cử nhân ngành TMĐT	
4.1.2	Hiểu được những tác động của TMĐT với xã hội và môi trường	
4.1.3	Hiểu được các yêu cầu của xã hội đối với TMĐT	
4.1.4	Nắm bắt các vấn đề và giá trị đương đại	
4.1.5	Phát triển một quan điểm toàn cầu (tmđt (2), chiến lược tmđt...)	
4.2	<b>BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP TMĐT</b>	
4.2.1	biết được sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp	

4.2.2	Xác định chiến lược, mục tiêu, và kế hoạch kinh doanh	
4.2.3	nhận diện cơ hội kinh doanh thông qua TMĐT	
4.3	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	
4.3.1	Xây dựng nhu cầu và thiết lập các mục tiêu	
4.3.2	Xác định chức năng, nguyên lý và kiến trúc	
4.3.3	Mô hình hoá dự án TMĐT	
4.3.4	Quản lý phát triển dự án TMĐT	
4.4	THIẾT KẾ	
4.4.1	Phác thảo kế hoạch thực hiện	
4.4.2	Lập kế hoạch xây dựng hạ tầng (phần cứng phần mềm, giải pháp)	
4.4.3	Lập giải pháp tích hợp phần cứng và phần mềm	
4.4.4	Lập kế hoạch kiểm tra, xác nhận, đánh giá và kiểm định	
4.4.5	Lập kế hoạch quản lý vận hành	
4.5	THỰC HIỆN	
4.5.1	Thiết kế quy trình thực hiện	
4.5.2	Tích hợp phần cứng, mềm	
4.5.3	Thử nghiệm, kiểm tra, phê chuẩn, chứng nhận	
4.5.4	Quản lý quá trình thực hiện	
4.6	VẬN HÀNH	
4.6.1	Thiết kế và tối ưu hóa vận hành bền vững và an toàn	
4.6.2	Lên kế hoạch đào tạo và thủ tục thực hiện (Huấn luyện và vận hành)	
4.6.3	Quản lý vòng đời của hệ thống	
4.6.4	Hỗ trợ phát triển và bảo trì hệ thống	

**3. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ**

**4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:**

130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

## **5. Đối tượng tuyển sinh**

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Không phải bỏ túc kiến thức:
  - o Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề;
  - o Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phải bỏ túc kiến thức: không tuyển sinh
- **Khối tuyển sinh:** A00, A01, D01 và D90 (Toán, Anh văn và tổ hợp bài thi Khoa học tự nhiên).
- **Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm:** 100 sinh viên

## **6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

### **6.1 Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

### **6.2 Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:



- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo;
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định;
- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Điều kiện ngoại ngữ : Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, đọc 500; Nói viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương)

## 7. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

## 8. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:

### HỌC KỲ I – 22 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>2</b>		
1	<b>GEN1001</b>	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5			
2	<b>ECO1001</b>	Kinh tế học vi mô 1	3	3			
3	<b>LAW1001</b>	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3			
4	<b>MAT1001</b>	Toán cao cấp (5TC)	5	5			
5	<b>MIS1002</b>	Giới thiệu ngành TMĐT	2	2			
6	<b>MIS1003</b>	Tin học cơ sở	2	0	2		

		<b>Môn học tự chọn</b>		<b>2</b>	<b>2</b>			
7	<b>GEN1101</b>	Tâm lý học đại cương	<b>2 môn chọn 1</b>	2	2			
8	<b>GEN1102</b>	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2			
9	<b>GEN1004</b>	Giáo dục thể chất 1		3	3			

### HỌC KỲ II – 21 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>1</b>		
1	<b>LAW1501</b>	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	<b>ECO1002</b>	Kinh tế vĩ mô 2	3	3			
3	<b>ACC1013</b>	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	<b>BUS 1100</b>	Quản trị học căn bản	3	3			
5	<b>MAT1002</b>	Lý thuyết xác suất	2	2			<b>MAT1001</b>
6	<b>MIS1006</b>	Kỹ thuật lập trình	3	2	1		
			<b>4</b>				
7	<b>GEN1105</b>	Văn hóa học	<b>2 môn chọn 1</b>	2	2		
8	<b>GEN1106</b>	Xã hội học		2	2		
9	<b>GEN1103</b>	Địa chính trị thế giới	<b>2 môn</b>	2	2		

10	<b>GEN1104</b>	Quan hệ quốc tế	<b>chọn 1</b>	2	2			
11	<b>GEN1005</b>	Giáo dục thể chất 2		2	2			
12	<b>GEN1006</b>	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				

### HỌC KỲ III (NĂM 2): 23 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>2</b>		
1	<b>GEN1002</b>	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3			
2	<b>BUS 1200</b>	Marketing căn bản	3	3			
3	<b>FIN1101</b>	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			<b>ECO1001</b> <b>ECO1002</b>
4	<b>ACC1023</b>	Kế toán tài chính	3	3			<b>ACC1013</b>
5	<b>MIS1010</b>	Mạng máy tính	3	2	1		
6	<b>MIS1008</b>	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1		<b>MIS1006</b>
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>		
7	<b>ECO1003</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<b>2 môn chọn 1</b>	2	2		
8	<b>BUS 1303</b>	Kỹ năng làm việc theo nhóm		2	2		
9	<b>MIS1004</b>	Tin học ứng dụng	<b>2 môn</b>	3	2	1	

10	GEN1107	Logic học	chọn 1	3	3			
----	---------	-----------	--------	---	---	--	--	--

**HỌC KỲ IV: 18TC**

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>18</b>	<b>14</b>	<b>4</b>		
1	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2			
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1		
4	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3			
5	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
6	MIS1050	Đồ họa Web và đa phương tiện	3	2	1		
7	MIS1017	Phân tích & thiết kế Hệ thống thông tin	3	2	1	MIS1011	

**HỌC KỲ V: 20TC**

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>14</b>	<b>13</b>	<b>1</b>		
1	MIS1040	Marketing điện tử	3	3		BUS1200	

2	MIS1046	Pháp luật Thương mại điện tử	3	3			
3	MIS1042	Thanh toán điện tử	3	3			
4	MIS1041	Quản lý chuỗi cung ứng trong TMĐT	2	2			
5	MIS1012	Thiết kế & Lập trình Web Kinh doanh	3	2	1		MIS1006
<b>Môn học tự chọn chuyên sâu (6 TC)</b>							
<b>Sinh viên chọn 1 trong 3 hướng chuyên sâu đều phải chọn môn</b>							
6	MIS1044	Thương mại di động	3	3			
<b>Chuyên sâu nhóm E-Marketing</b>							
7	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	3	3			
<b>Chuyên sâu nhóm : Quản trị (Operations)</b>							
8	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	3	2	1		
<b>Chuyên sâu nhóm : Xây dựng giải pháp TMĐT</b>							
9	MIS1049	Phát triển ứng dụng di động	3	2	1		

### HỌC KỲ VI: 13TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>7</b>	<b>6</b>	<b>1</b>		
1	MIS1038	Quản lý dự án Thương mại điện tử	2	2			

2	<b>MIS1030</b>	Chiến lược Thương mại điện tử	2	2			
3	<b>MIS1051</b>	Nghiên cứu thị trường trực tuyến	3	2	1		
<b>Môn học tự chọn chuyên sâu (6 TC)</b>							
<b>Chuyên sâu nhóm E-Marketing</b>							
3	<b>MIS1045</b>	Phân tích dữ liệu WEB	3	2	1		
4	<b>MIS1048</b>	Thương mại trên mạng xã hội	3	2	1		
<b>Chuyên sâu nhóm : Quản trị (Operations)</b>							
5	BUS1301	Văn hoá doanh nghiệp	3	3			
6	BUS1116	Quản trị bán hàng	3	3			
<b>Chuyên sâu nhóm : Xây dựng giải pháp TMDT</b>							
7	<b>MIS1025</b>	Thiết kế & Lập trình Web nâng cao	3	2	1	<b>MIS1012</b>	
8	<b>MIS1026</b>	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1		

### HỌC KỲ VII: 3 – 9 TC

*Đối với sinh viên học chuyên đề: 9 tín chỉ*

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>3</b>	<b>3</b>			
1	<b>MIS1048</b>	An toàn và bảo mật TMDT	3	3			
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>6</b>	<b>6</b>			

		<i>(đối với SV không làm khóa luận)</i>					
1	<b>MIS1052</b>	<b>Chuyên đề 1:</b> Quản trị tác nghiệp TMĐT <i>(Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)</i>	2				
2	<b>MIS1053</b>	<b>Chuyên đề 2:</b> Khởi nghiệp Thương mại điện tử <i>(Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)</i>	2				
3	<b>MIS1054</b>	<b>Chuyên đề 3:</b> Kinh doanh thông minh <i>(Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)</i>	2				

**HỌC KỲ VIII: 4 - 10 TC**

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1		Thực tập tốt nghiệp	4		4		
2		Thực tập + Khóa luận tốt nghiệp <i>(Đối với SV làm khóa luận TN)</i>	10		10		

**KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC**

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	<b>ENG1001</b>	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	<b>ENG1002</b>	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	<b>ENG1003</b>	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002

4	<b>ENG1004</b>	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003
---	----------------	------------------------	---	---	---	--	---------

*Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành 130 tín chỉ để được nhận bằng tốt nghiệp:*

- Đối với sinh viên không làm luận văn : trong đó có 118 tín chỉ bắt buộc, 12 tín chỉ tự chọn môn học chuyên sâu ngành.
- Đối với sinh viên làm luận văn : trong đó 112 tín chỉ bắt buộc, 06 tín chỉ sinh viên làm khoá luận và 12 tín chỉ tự chọn môn học tự chọn chuyên sâu ngành.

## **KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG CHUYÊN SÂU NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

### **Nhóm 1: E- marketing**

1	<b>MIS1031</b>	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)	3	3			
2	<b>MIS1045</b>	Phân tích dữ liệu WEB	3	2	1		
3	<b>MIS1048</b>	Thương mại trên mạng xã hội	3	2	1		
4	<b>MIS1044</b>	Thương mại di động	3	3			

### **Nhóm 2: Quản trị (Operations)**

1	<b>BUS1301</b>	Văn hoá doanh nghiệp	3	3			
2	<b>BUS1116</b>	Quản trị bán hàng					
3	<b>MIS1015</b>	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	3	2	1		
4	<b>MIS1044</b>	Thương mại di động	3	3			

### **Nhóm 3: Xây dựng giải pháp TMDT**

1	<b>MIS1025</b>	Thiết kế & Lập trình Web nâng cao	3	2	1	<b>MIS1012</b>	
2	<b>MIS1049</b>	Phát triển ứng dụng di động	3				
3	<b>MIS1044</b>	Thương mại di động	3	3			
4	<b>MIS1026</b>	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1		



## KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG CHO SINH VIÊN NGÀNH NGOÀI

(chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

### Chương trình giáo dục: Kinh tế học(chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

### Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			

4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			

5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			
---	---------	----------------	---	---	--	--	--

**Chương trình giáo dục: Ngân hàng (chọn 12 TC)**

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

**Chương trình giáo dục: Tài chính doanh nghiệp (chọn 12 TC)**

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			

5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			

**Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

**Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

**Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)***(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)*

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
<b>Nhóm 1</b>							
1	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	
2	MIS1022	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1		
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1		
4	MIS1023	Kế toán tin học	3	2	1		
<b>Nhóm 2</b>							
1	MIS1024	Lập trình CSDL	3	2	1	MIS1011, MIS1007	
2	MIS1025	Thiết kế Web 2	3	2	1	MIS1012	
3	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	MIS1011, MIS1012	
4	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	

**Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)***(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)*

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
<b>Nhóm 1</b>							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	3		MIS1015	
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
<b>Nhóm 2</b>							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
4	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3			MIS1011

**Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	<b>Chọn 3 trong 5 môn</b>			
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	<b>Chọn 1 trong 2 môn</b>			
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3				

**Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

**Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)**

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113



**Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)**

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

**Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)***(sinh viên chọn 12 tín chỉ trong các môn học sau đây)*

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	<b>MIS1040</b>	Marketing điện tử	3	3			
2	<b>MIS1031</b>	Quản trị mối quan hệ khách hàng điện tử (E-CRM)	3	3			
3	<b>MIS1046</b>	Pháp luật Thương mại điện tử	3	3			
4	<b>MIS1034</b>	Thương mại điện tử	3	3			
5	<b>MIS1042</b>	Thanh toán điện tử	3	3			
6	<b>MIS1048</b>	Thương mại trên mạng xã hội	3	2	1		
7	<b>MIS1044</b>	Thương mại di động	3	3			